

Bản án số: 10/2023/DS- ST
Ngày: 17/02/2023
V/v: “Tranh chấp HĐ mua bán tài sản ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Sơn

2. Bà Mai Thị Nhắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 328/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1963; Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1987; Nơi cư trú: ấp 2, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị B, sinh năm 1970 và ông Trần Văn M, sinh năm 1969; Cùng nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1987; Nơi cư trú: ấp 2, xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Chị N và bà B có mặt, ông M vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2022, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Năm 2020 bà T với bà B, ông M có thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi heo, thỏa thuận miệng, bao heo ra chuồng, mục đích chăn nuôi heo là để phát triển kinh tế gia đình. Thỏa thuận bao heo ra chuồng là khoảng 06 tháng sẽ thanh toán tất nợ. Đến ngày 19/01/2022 bà B và ông M còn thiếu lại bà T số tiền thức ăn là 197.923.000 đồng, nhưng sau đó bà B đã trả cho bà T được 10.000.000 đồng. Nay bà T yêu cầu ông M và bà B liên đới trả số tiền thức ăn còn thiếu là 187.923.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 19/01/2022 đến ngày Tòa xét xử xong vụ án là ngày 17/02/2023 với số tiền là 20.172.896 đồng. Đối với yêu cầu xin trả dần của bà B mỗi tháng 1.000.000 đồng bà T không đồng ý.

Chị là người đăng ký kinh doanh nhưng bà T là người bán thức ăn cho bà B và ông M, chị đồng ý để bà T khởi kiện bà B và ông M, chị không có ý kiến và cũng không yêu cầu gì đối với bà B và ông M.

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bà Phan Thị B trình bày như sau:

Bà không nhớ là bà bắt đầu mua thức ăn của bà T là năm nào nhưng bà thừa nhận số tiền thức ăn mà bà còn thiếu bà T là 187.923.000 đồng, bà thống nhất thời gian bà và bà T tổng kết số nợ còn thiếu là ngày 19/01/2022. Nay bà đồng ý trả cho bà T số tiền nợ còn thiếu là 187.923.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà không đồng ý trả lãi và yêu cầu được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi tất nợ.

Việc bà chăn nuôi heo là chăn nuôi trong thời gian hôn nhân giữa bà với ông Trần Văn M, bà và ông Trần Văn M có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, ông M bị bệnh nên bà là người trực tiếp chăn nuôi và mua thức ăn chăn nuôi từ bà T nhưng mỗi lần bà T giao thức ăn đến nhà thì bà và ông M đều biết. Việc bà chăn nuôi heo là làm kinh tế chung của gia đình, xây dựng chuồng trại nên bà đồng ý trả cho bà T số tiền trên. Ông M bị bệnh tiểu đường, viêm phổi đi lại khó khăn nên ông M để bà quyết định, ông M không có ý kiến gì.

Ông Trần Văn M vắng mặt tại phiên tòa cũng như trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

Thẩm quyền thụ lý, xác định tư cách tố tụng, việc xác minh thu thập chứng cứ, trình tự thụ lý, giao thông báo thụ lý, thời hạn xét xử đúng quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 68, Điều 96, Điều 97, Điều 101, Điều 195, Điều 196, Điều 197 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt trong các lần hòa giải, công khai và tiếp cận chứng cứ cũng như xét xử nên đã vi phạm quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 357, Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án tuyên buộc bà B và ông M liên đới trả cho bà T số tiền thức ăn còn thiếu tính đến ngày 17/02/2023 là 208.095.896 đồng, trong đó: tiền vốn là 187.923.000 và tiền lãi là 20.172.896 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2022 của bà Phạm Thị T thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Xác định bà Phạm Thị T là nguyên đơn, bà Phan Thị B và ông Trần Văn M là bị đơn, chị Nguyễn Thị Hồng N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Bà Phan Thị B và ông Trần Văn M có nơi cư trú tại xã Thành Thới A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ cũng như thông báo hòa giải cho ông M đến Tòa để tiến hành hòa giải nhưng ông M vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cũng đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho ông M đến để tham gia phiên tòa nhưng ông M vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông M là phù hợp.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Bà Phạm Thị T yêu cầu bà Phan Thị B và ông Trần Văn M liên đới trả cho chị số tiền 187.923.000 đồng, bà B đồng ý, ông M không có ý kiến. Trong quá trình giải quyết vụ án, Bà B thừa nhận bà còn thiếu bà T số tiền thức ăn là 187.923.000 đồng nên xác định đây là sự việc có thật theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên yêu cầu của bà T là có căn cứ để chấp nhận.

Xét về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng: Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các Điều 24, 25, 26, khoản 1 Điều 27 và khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc bà B chăn nuôi heo phục vụ kinh tế chung và nhu cầu thiết yếu của gia đình, ông M biết việc chăn nuôi heo của bà B nên yêu cầu của bà T về việc yêu cầu ông Trần Văn M liên đới cùng bà Phan Thị B trả số tiền thức ăn còn thiếu là có căn cứ để chấp nhận.

Về tiền lãi: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Phan Thị B và ông Trần Văn M phải liên đới trả tiền lãi cho nguyên đơn theo lãi suất 0,83%/tháng trên số tiền thức ăn còn thiếu là 187.923.000 đồng tính từ ngày 19/01/2022 đến khi kết thúc vụ án, bị đơn bà Phan Thị B không đồng ý trả lãi. Hội đồng xét xử thấy rằng: nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất ngày tổng kết số nợ là 19/01/2022 nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi với lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, cụ thể như sau: $187.923.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 20.172.896 \text{ đồng}$. Tổng số tiền gốc và lãi là 208.095.896 đồng.

Đối với yêu cầu trả dần của bà B: Bà B cho rằng không có khả năng trả nợ ngay một lần, yêu cầu được trả dần số tiền nợ theo phương thức mỗi 01 tháng trả 1.000.000 đồng, cho đến khi dứt nợ. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý. Xét thấy, yêu cầu này của bà B thuộc về giai đoạn thi hành án nên không xem xét giải quyết. Tuy nhiên, các đương sự có thể tiếp tục thỏa thuận phương thức trả nợ phù hợp ở giai đoạn thi hành án.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Phan Thị B và ông Trần Văn M phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 208.095.896 đồng $\times 5\% = 10.405.000 \text{ đồng}$ do vi phạm nghĩa vụ.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Phạm Thị T theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T, cụ thể tuyên:

Buộc bà Phan Thị B và ông Trần Văn M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị T tổng số tiền thức ăn còn thiếu là 208.095.896 đồng, trong đó: tiền vốn là 187.923.000 và tiền lãi là 20.172.896 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Phan Thị B và ông Trần Văn M phải liên đới chịu là 10.405.000 đồng

Hoàn trả cho bà Phạm Thị T số tiền tạm ứng án phí là 5.127.000 đồng theo biên lai thu số 0001107 ngày 23/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

Nơi nhân:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam (1b);
- Những người tham gia tố tụng (3b);
- Lưu HS, VP, THA (8b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Diễm

